

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-12-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hết
2. Bà Mai Thị Nhắc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 217/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp, xã Đ, huyện M, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Mai Thanh S**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp S, xã L, huyện M, tỉnh M (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:*

Chị T và anh S quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2010, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh B, được cấp giấy chứng nhận ngày 07/5/2010. Sau khi thành hôn thì vợ chồng sống cùng gia đình chị T ở ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh B. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và có hai con chung. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mỗi khi chị T đi ra ngoài chơi cùng bạn bè về thì anh S kiểm soát gắt gao, mặc dù chị T đã giải thích rõ với

anh S rất nhiều lần nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Cũng vì vậy mà giữa anh S và gia đình chị T có mâu thuẫn, anh S cự cãi với cha mẹ chị T, có lần giữa anh S và cha chị T xảy ra đánh nhau. Cũng trong năm 2018 thì anh S về nhà cha ruột sống, trong thời gian S sống tại nhà cha ruột thì cũng thường xuyên đến nhà để thăm chị T và con, chị T đồng ý để anh S thường xuyên ở lại nhà cha mẹ chị để vợ chồng có thêm thời gian hàn gắn tình cảm. Nhưng đến đầu năm 2021 thì những mâu thuẫn nêu trên ngày càng trầm trọng, trong lúc vợ chồng cãi vã thì anh S đánh chị T. Anh chị ly thân từ tháng 5/2021 cho đến nay, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Khi cha chị T mất anh S cũng không về dự đám tang. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh S. Trong thời gian chung sống, chị T và anh S có hai con chung có hai con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy K, sinh ngày 11/11/2018, các con hiện đang sống cùng chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Mai Thanh S trình bày:*

Anh S thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là có. Chị T thường xuyên ra ngoài uống rượu cùng bạn bè trong đó những người nam, khi về thì anh S có khuyên can nhưng chị T lại không nghe, còn cãi vã với anh S, khi vợ chồng cãi vã thì có một lần chị T đánh anh S trước nên anh S có đánh lại chị T. Do vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên gia đình chị T cũng không vui, không hài lòng về anh S nên giữa anh S và gia đình chị T xảy ra mâu thuẫn. Năm 2018 anh S về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vẫn thường xuyên đến thăm chị T và các con, thường xuyên ở lại nhà chị T, từ tháng 5/2021 đến nay thì mâu thuẫn giữa anh S với chị T và gia đình chị T trầm trọng nên anh S không đến nhà chị T được, chị T cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ với anh S. Anh S nhận thấy việc anh đánh chị T là sai, nguyên do nóng tính không kiềm chế được, anh S hứa sẽ khắc phục. Anh S xác định vẫn còn tình cảm với chị T nên không đồng ý ly hôn, mong vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm lo cho các con. Anh S cũng chấp nhận vợ chồng sống ly thân như hiện tại để anh S có điều kiện đến nhà chị T hàn gắn tình cảm, các con có đủ cha mẹ. Về con chung: Anh S và chị T có hai con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy K, sinh ngày 11/11/2018, các con sống cùng chị T từ khi anh chị ly thân cho đến nay, nếu Tòa án giải quyết về hôn nhân theo yêu cầu của chị T thì về con chung, anh S đồng ý để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, anh S không cấp dưỡng nuôi con. Anh S và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng:* Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Mai Thanh S. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé T được quyền nuôi hai con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy K, sinh ngày 11/11/2018, anh S không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T đối với anh Mai Thanh S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Mai Thanh S có nơi cư trú tại xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Mai Thanh S tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã Đ, huyện M, tỉnh B

nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và anh S không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Theo chị T trình bày thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến đánh nhau giữa chị T với anh S và giữa anh S với cha chị T. Khi mâu thuẫn xảy ra thì anh chị đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng, chị T và anh S sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cả không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh S không đồng ý ly hôn, anh S xác định những nguyên nhân mà chị T trình bày là có nhưng nguyên nhân chính dẫn đến việc chị T xin ly hôn với anh là do chị T muốn tự do ra ngoài chơi cùng bạn bè. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh S có thời gian dài sống ly thân, trong thời gian chị T và anh S không sống chung thì anh chị cũng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải

pháp để vợ chồng đoàn tụ, anh S trình bày chấp nhận với tình trạng hôn nhân như hiện tại, chấp nhận việc vợ chồng sống ly thân không thường xuyên sống cùng để các con có đầy đủ cha mẹ. Xét thấy, với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh S có hai con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy K, sinh ngày 11/11/2018. Cả hai người con hiện sống với chị T; chị T và anh S thống nhất chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn. Khi được Tòa án hỏi ý kiến thì cháu Mai Thảo Yến có nguyện vọng được sống cùng chị T sau khi chị T và anh S ly hôn. Chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cả hai người con chung cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Thảo Yến và Duy K cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy K, sinh ngày 11/11/2018 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung: Chị T và anh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị T và anh S trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Mai Thanh S.
2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung là Mai Thảo Y, sinh ngày 12/5/2012 và Mai Duy

K, sinh ngày 11/11/2018 sau khi ly hôn. Anh Mai Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Mai Thanh S có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Mai Thanh S lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Bé T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Mai Thanh S.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Bé T, anh Mai Thanh S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Bé T, anh Mai Thanh S có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0001455 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, còn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bé T.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự <sup>(2b)</sup> ;
- TAND tỉnh Bến Tre <sup>(1b)</sup> ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam <sup>(1b)</sup> ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam <sup>(1b)</sup> ;
- UBND xã Đa Phước Hội <sup>(1b)</sup> ;
- Lưu HS, VP <sup>(2b)</sup> TC:8b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trần Thị Thu Trang**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**







**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**





